

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 –  
CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

Số: **0524** /TCT-QHCD  
V/v: Công bố thông tin định kỳ  
trên công thông tin điện tử của  
UBCKNN.

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Thanh

Địa chỉ: Số 19, Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0943415899 – 043.8350933


Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng quý I năm 2017 của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

*(Có chi tiết kèm theo)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Đinh Văn Thanh

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**QUÝ 1 NĂM 2017**

## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2017 đến 31/03/2017

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/02/2017)
Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch (Thôi giữ chức vụ ngày 13/01/2017) Thành viên (Từ ngày 13/01/2017)
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đức Hòa	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Quách Bá Vương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên
Ông Đào Việt Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Đan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Công	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa kỳ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa kỳ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa kỳ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa kỳ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đình Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 04 năm 2017



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA KỲ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>3,156,420,976,260</b>	<b>2,833,993,783,606</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>473,651,281,886</b>	<b>231,504,347,393</b>
1. Tiền	111	435,378,228,942	184,056,654,449
2. Các khoản tương đương tiền	112	38,273,052,944	47,447,692,944
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>3,205,000,000</b>	<b>16,205,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	3,205,000,000	16,205,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>1,791,263,150,802</b>	<b>1,884,799,731,069</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1,047,556,156,440	1,235,700,108,352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	281,901,430,320	240,791,124,892
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	258,000,000,000	247,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	229,441,502,345	189,863,663,928
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-25,635,938,303	-28,555,166,103
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>869,188,002,205</b>	<b>679,405,990,274</b>
1. Hàng tồn kho	141	869,986,764,944	680,204,753,013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-798,762,739	-798,762,739
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>19,113,541,367</b>	<b>22,078,714,870</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	608,711,625	1,035,118,298
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2,253,082,311	5,135,653,889
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16,251,747,431	15,907,942,683
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>630,100,679,326</b>	<b>630,875,571,071</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>19,677,765,014</b>	<b>6,177,765,014</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	19,677,765,014	6,177,765,014
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>96,523,274,506</b>	<b>102,033,183,671</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>84,720,023,865</b>	<b>90,165,093,818</b>
- Nguyên giá	222	344,952,863,070	348,044,738,264
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-260,232,839,205	-257,879,644,446
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>11,803,250,641</b>	<b>11,868,089,853</b>
- Nguyên giá	228	13,183,548,462	13,183,548,462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-1,380,297,821	-1,315,458,609
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>40,000,000</b>	<b>40,000,000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	40,000,000	40,000,000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>476,794,197,693</b>	<b>476,794,197,693</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	35,270,423,257	35,270,423,257
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	262,138,815,519	262,138,815,519
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	258,778,485,831	258,778,485,831
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-79,393,526,914	-79,393,526,914
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>37,065,442,113</b>	<b>45,830,424,693</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	37,065,442,113	45,830,424,693
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>3,786,521,655,586</b>	<b>3,464,869,354,677</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>2,997,049,085,699</b>	<b>2,683,904,941,278</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2,895,126,869,905</b>	<b>2,570,164,032,135</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1,438,278,993,401	1,484,297,700,157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	694,748,009,208	332,762,446,696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	146,945,651,038	140,407,825,546
4. Phải trả người lao động	314	33,877,460,424	44,360,017,168
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	94,207,941,281	66,475,391,246
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	126,100,000	618,885,428
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	209,771,503,295	240,829,999,470
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	271,999,108,284	255,074,145,155
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1,293,178,115	1,446,267,160
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	3,878,924,859	3,891,354,109
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>101,922,215,794</b>	<b>113,740,909,143</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	0	12,246,221,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	82,230,635,710	83,650,570,710
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19,691,580,084	17,844,117,433
			0
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>789,472,569,887</b>	<b>780,964,413,399</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>789,472,569,887</b>	<b>780,964,413,399</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700,000,000,000	700,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17,184,339,458	17,184,339,458
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	72,288,230,429	63,780,073,941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	63,587,404,018	1,031,338,956
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8,700,826,411	62,748,734,985
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>3,786,521,655,586</b>	<b>3,464,869,354,677</b>

Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

Võ Thành Công  
Kế toán trưởng



Đinh Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA KỲ**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến hết ngày 31/03/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý1		Lũy kế đến hết quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	218,770,340,160	450,037,089,265	218,770,340,160	450,037,089,265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	218,770,340,160	450,037,089,265	218,770,340,160	450,037,089,265
4. Giá vốn hàng bán	11	191,450,305,106	415,395,055,409	191,450,305,106	415,395,055,409
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	27,320,035,054	34,642,033,856	27,320,035,054	34,642,033,856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6,332,012,794	20,617,581,055	6,332,012,794	20,617,581,055
7. Chi phí tài chính	22	6,684,213,949	8,783,388,092	6,684,213,949	8,783,388,092
- Trong đó chi phí lãi vay	23	6,442,763,896	8,185,995,720	6,442,763,896	8,185,995,720
8. Chi phí bán hàng	25	-	-	-	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16,366,733,927	32,899,658,318	16,366,733,927	32,899,658,318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10,601,099,972	13,576,568,501	10,601,099,972	13,576,568,501
30= 20+(21-22)-(25+26)		0	0	0	0
11. Thu nhập khác	31	789,643,658	4,919,449,514	789,643,658	4,919,449,514
12. Chi phí khác	32	518,201,576	4,143,877,495	518,201,576	4,143,877,495
13. Lợi nhuận khác	40=31-32	271,442,082	775,572,019	271,442,082	775,572,019
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	10,872,542,054	14,352,140,520	10,872,542,054	14,352,140,520
15. CF Thuế thu nhập DN hiện thành	51	2,174,508,411	2,870,428,104	2,174,508,411	2,870,428,104
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60=50-51	8,698,033,643	11,481,712,416	8,698,033,643	11,481,712,416

**Nguyễn Thị Bích Hạnh**  
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

**Võ Thành Công**  
 Kế toán trưởng

**Đinh Văn Thanh**  
 Tổng Giám đốc



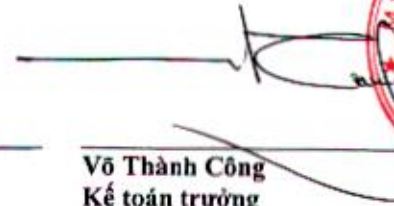
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA KỲ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến hết ngày 31/03/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	10,872,542,054
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	5,245,058,517
Các khoản dự phòng	03	(1,224,854,194)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản		(18,536,549)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(972,054,165)
Chi phí lãi vay	06	6,442,763,896
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20,344,919,559
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	121,494,574,897
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(189,782,011,931)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập	11	296,905,420,965
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9,191,389,253
Tiền lãi vay đã trả	14	(6,442,763,896)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3,122,757,440)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	81,080,792
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	248,669,852,199
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23	(26,000,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đvị khác	24	28,000,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25,000,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	972,054,165
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22,027,945,835)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	101,449,837,694
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(85,944,809,565)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15,505,028,129
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	242,146,934,493
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	231,504,347,393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	473,651,281,886

  
Nguyễn Thị Bích Hạnh  
Người lập biểu

  
Võ Thành Công  
Kế toán trưởng

  
Đinh Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 04 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong thời gian lớn hơn 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2017 đến hết ngày 31/03/2017 bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Mô tả</b>
1	Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 509/TCCB-LĐ của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2001 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 605/HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 04 tháng 12 năm 1999 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
3	Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2214/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 7 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty. Chuyển đổi thành công ty TNHH Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ Inmassco kể từ ngày 01/03/2017
4	Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 1084/QĐ-HĐTV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
5	Xí nghiệp Cầu 17 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0476/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 03 tháng 11 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
6	Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0418/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 30 tháng 9 năm 2011 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
7	Xí nghiệp xây dựng công trình Ciencol - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0444/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 08 tháng 10 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
8	Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0747/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 11 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
9	Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2059/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 03 tháng 7 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP cầu 12 - Cienco 1	51	51	Xây dựng công trình cầu đường
2	Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco 1	51	51	Xây dựng dân dụng
3	Công ty TNHH cung ứng lao động quốc tế và DV Inmasco	100	100	Xuất khẩu lao động

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	49	49	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	21	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	25	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	48	48	Xây dựng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	49	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	48	48	Xây dựng đường bộ
7	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	45	45	Xây dựng công trình giao thông
8	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	20	20	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	26	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng -	44	44	Xây dựng dân dụng
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	55	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	26	26	Tư vấn thiết kế cầu đường
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	25	25	Xây dựng dân dụng
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	33	33	Sản xuất vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	24	24	Sản xuất xi măng

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ**

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ theo là báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Tổng Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ của Tổng Công ty được lập và phát hành riêng.

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa kỳ cho kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa kỳ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***

###### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

###### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

###### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

---

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này*



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 8

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

##### Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

---

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày lập báo cáo.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

---

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này*



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa kỳ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### ***Ngoại tệ***

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

#### ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa kỳ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán giữa kỳ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
Tiền mặt	31.703.958.928	10.269.965.602
Tiền gửi ngân hàng	403.674.270.014	173.786.688.847
Các khoản tương đương tiền	38.273.052.944	47.447.692.944
<b>Cộng</b>	<b>473.651.281.886</b>	<b>231.504.347.393</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	34,484,606,183	29,181,677,251
Công cụ, dụng cụ	605,583,490	444,385,491
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	834,326,834,927	650,247,595,583
Thành phẩm	331,094,688	331,094,688
Hàng hóa	238,645,656	-
<b>Cộng</b>	<b><u>869,986,764,944</u></b>	<b><u>680,204,753,013</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	- 798,762,739	- 798,762,739
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b><u>869,188,002,205</u></b>	<b><u>679,405,990,274</u></b>

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>- Tại ngày đầu năm</b>	<b><u>13.113.548.462</u></b>	<b><u>70.000.000</u></b>	<b><u>13.183.548.462</u></b>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>- Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>13.113.548.462</u></b>	<b><u>70.000.000</u></b>	<b><u>13.183.548.462</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>- Tại ngày đầu năm</b>	<b><u>1.245.458.609</u></b>	<b><u>70.000.000</u></b>	<b><u>1.315.458.609</u></b>
- Khấu hao trong kỳ	64.839.212	-	64.839.212
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>- Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>1.310.297.821</u></b>	<b><u>70.000.000</u></b>	<b><u>1.380.297.821</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>- Tại ngày đầu năm</b>	<b><u>11.868.089.853</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>11.868.089.853</u></b>
<b>- Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>11.803.250.641</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>11.803.250.641</u></b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này*

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
- Tại ngày đầu năm	102.909.938.326	175.005.569.856	63.572.655.603	4.513.718.365	2.042.856.114	348.044.738.264
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(2.958.337.114)	(133.538.080)	-	(3.091.875.194)
- Tại ngày cuối kỳ	102.909.938.326	175.005.569.856	60.614.318.489	4.380.180.285	2.042.856.114	344.952.863.070
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
- Tại ngày đầu năm	56.009.644.086	142.792.104.288	53.291.405.297	4.121.019.612	1.665.471.163	257.879.644.446
- Khấu hao trong kỳ	1.103.812.642	2.790.168.194	1.159.408.583	70.143.838	56.686.048	5.180.219.305
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(2.693.485.466)	(133.539.080)	-	(2.827.024.546)
- Tại ngày cuối kỳ	57.113.456.728	145.582.272.482	51.757.328.414	4.057.624.370	1.722.157.211	260.232.839.205
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
- Tại ngày đầu năm	46.900.294.240	32.213.465.568	10.281.250.306	392.698.753	377.384.951	90.165.093.818
- Tại ngày cuối kỳ	45.796.481.598	29.423.297.374	8.856.990.075	322.555.915	320.698.903	84.720.023.865



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	1,263,234,000	1,263,234,000
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586,812,929	586,812,929
Công ty CPXD giao thông &TM 124	7,200,000,000	7,200,000,000
Công ty XD, SXCN và XNK 125	1,715,000,000	1,715,000,000
Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6,214,309,449	6,214,309,449
Công ty CP XDCT15-cienco1	4,500,000,000	4,500,000,000
Công ty CP BOT Cầu Việt tri	48,532,400,000	48,532,400,000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	49,400,000,000	49,400,000,000
Công ty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2,350,000,000	2,350,000,000
Công ty cổ phần XD công trình 1	4,900,000,000	4,900,000,000
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2,641,303,364	2,641,303,364
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	70,000,000,000	70,000,000,000
Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2,571,000,000	2,571,000,000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	2,770,727,287	2,770,727,287
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	57,494,028,490	57,494,028,490
Công ty CP TVĐT XDCT GT1 -Cienco1		
<b>Cộng</b>	<b><u>262,138,815,519</u></b>	<b><u>262,138,815,519</u></b>

**Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphanam	4,025,905,831	4,025,905,831
Công ty CPĐT & XD công trình 134		
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	85,500,000,000	85,500,000,000
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu giẽ	148,172,580,000	148,172,580,000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	21,050,000,000	21,050,000,000
Công ty CPĐT TM &XD giao thông 1		
Công ty TNHH Hall Brothers International		
Đầu tư dài hạn khác	30,000,000	30,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>258,778,485,831</u></b>	<b><u>258,778,485,831</u></b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623, Đường Lạ Thành, Phường Thành Công  
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Mẫu số B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo***10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>700,000,000,000</b>	<b>8,333,588,483</b>	-	<b>78,290,210,972</b>	<b>786,623,799,455</b>
- Lợi nhuận trong kỳ				62,748,734,985	62,748,734,985
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế		8,850,750,975		(8,850,750,975)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(5,408,121,041)	(5,408,121,041)
- Trả cổ tức 2015				(63,000,000,000)	(63,000,000,000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>700,000,000,000</b>	<b>17,184,339,458</b>	-	<b>63,780,073,941</b>	<b>780,964,413,399</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>700,000,000,000</b>	<b>17,184,339,458</b>	-	<b>63,780,073,941</b>	<b>780,964,413,399</b>
- Lợi nhuận trong kỳ				8,698,033,643	8,698,033,643
- Chia cổ tức				-	-
- Phân phối các quỹ				(189,877,155)	(189,877,155)
- Tăng/giảm khác				72,288,230,429	72,288,230,429
<b>Số dư tại ngày 31/03/2017</b>	<b>700,000,000,000</b>	<b>17,184,339,458</b>	-	<b>72,288,230,429</b>	<b>789,472,569,887</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>70,000,000</b>	<b>70,000,000</b>
+) Cổ phiếu phổ thông	70,000,000	70,000,000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70,000,000</b>	<b>70,000,000</b>
+) Cổ phiếu phổ thông	70,000,000	70,000,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100104274 và các chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Vốn đã góp tại ngày</b>			
	<b>31/03/2017</b>		<b>31/12/2016</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>%</b>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	20,003,534	28.58	20,003,534	28.58
2. Công ty CP An Hiền	17,213,552	24.59	17,213,552	24.59
3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	-	6,990,000	9.99
4. Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	13,447,700	19.21	4,900,000	7.00
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	11,767,694	16.81	11,767,694	16.81
6. Các cổ đông khác	7,567,520	10.81	9,125,220	13.03
	<b>70,000,000</b>	<b>100.00</b>	<b>70,000,000</b>	<b>100.00</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo*

**11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu xây lắp	205,686,995,826	446,222,452,779
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,326,060,127	3,615,389,486
- Doanh thu khác	1,757,284,207	199,247,000
<b>Cộng</b>	<b><u>218,770,340,160</u></b>	<b><u>450,037,089,265</u></b>

**12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hoạt động xây lắp	189,593,875,113	414,110,170,290
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	949,692,281	1,124,066,180
- Giá vốn khác	906,737,712	160,818,939
<b>Cộng</b>	<b><u>191,450,305,106</u></b>	<b><u>415,395,055,409</u></b>

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	972,054,165	1,475,189,767
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,284,474,284	134,883,681
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	75,484,345	-
- Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	-	19,007,507,607
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6,332,012,794</u></b>	<b><u>20,617,581,055</u></b>

**14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay phải trả	6,442,763,896	8,185,995,720
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94,533,490	51,191,323
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	56,947,796	57,570,505
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	89,968,767	488,630,544
<b>Cộng</b>	<b><u>6,684,213,949</u></b>	<b><u>8,783,388,092</u></b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ  
kèm theo*

**15. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



**Nguyễn Thị Bích Hạnh**  
Người lập biểu

*Ngày 27 tháng 04 năm 2017*



**Võ Thành Công**  
Kế toán trưởng

**Đinh Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc